PHẦN VĂN BẢN KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 240/QĐ-TTg *Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 năm 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP.

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Khai thác tối đa nội lực, kết hợp với sự hỗ trợ của Trung ương và cả nước, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế và phát triển theo hướng bền vững, nâng cao chất lượng tăng trưởng, từng bước rút ngắn khoảng cách về trình độ phát triển so với các tỉnh trong khu vực và cả nước phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Tập trung mọi nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế để phát triển sản xuất hàng hoá; phát huy tối đa lợi thế kinh tế cửa khẩu; lấy thủy điện, kinh tế rừng, tài nguyên khoáng sản, sản phẩm cây công nghiệp (mủ cao su, chè) làm sản phẩm hàng hóa chủ lực và lâu dài.

3. Tổ chức tốt việc di dân tái định cư các dự án thủy điện trên địa bàn. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường sinh thái. Đẩy mạnh công

tác trồng và chăm sóc bảo vệ rừng đầu nguồn của lưu vực Sông Đà nhằm bảo vệ nguồn nước cho các công trình thủy điện lớn của quốc gia. Gắn phát triển kinh tế với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống và những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

4. Tập trung nguồn lực xây dựng nông thôn mới, gắn với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, gắn liền với định hướng phát triển hệ thống đô thị; xây dựng nông thôn mới phải bảo đảm hiện đại, văn minh nhưng vẫn giữ được bản sắc văn hóa, phong tục tập quán của các dân tộc và ổn định cuộc sống dân cư.

5. Phát triển kinh tế phải kết hợp hài hòa với phát triển xã hội, gắn tăng trưởng kinh tế với việc giải quyết các vấn đề bức xúc của xã hội như: giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững, giải quyết các tệ nạn xã hội, định canh định cư, nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là lực lượng cán bộ cơ sở, cán bộ là người dân tộc thiểu số, cán bộ nữ, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, giúp đỡ đồng bào dân tộc, ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Từng bước thu hẹp khoảng cách về mức sống của nhân dân trong tỉnh với các tỉnh khác và mức trung bình của vùng Trung du miền núi Bắc bộ.

6. Kết hợp chặt chẽ việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với đảm bảo quốc phòng an ninh, củng cố vững chắc an ninh nội địa, xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc trong tỉnh, bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ đất nước gắn với xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác ổn định lâu dài.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế; cải thiện rõ rệt hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội; phát huy lợi thế cửa khẩu, tài nguyên khoáng sản, thủy điện, đất đai, để phát triển các ngành kinh tế; tập trung mọi nguồn lực để phấn đấu giảm nghèo nhanh và bền vững, hoàn thành cơ bản định canh, định cư; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; gắn phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng - an ninh, ổn định chính trị, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia.

Giai đoạn 2011 - 2015, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, thu hẹp khoảng cách so với các tỉnh trong vùng, cả nước; đưa Lai Châu cơ bản ra khỏi tình trạng kém phát triển. Đến năm 2020 đạt mức phát triển trung bình của vùng.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về phát triển kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 16 - 17%; trong đó khu vực nông lâm ngư nghiệp tăng khoảng 6,5%/năm, công nghiệp, xây

dựng tăng khoảng 23,5%/năm và khu vực dịch vụ tăng khoảng 17,5%/năm. Giai đoạn 2016 - 2020 mức tăng trưởng kinh tế bình quân là 16,1 %/năm.

- Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, đến năm 2015 tỷ trọng các ngành nông lâm ngư nghiệp khoảng 23,8%, công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 41% và khu vực dịch vụ chiếm khoảng 35,2%. Đến năm 2020 các tỷ lệ tương đương là 20%, 44%, 36%.

- Giá trị xuất khẩu hàng địa phương năm 2015 là 10 triệu USD, tăng bình quân 17%/năm; đến năm 2020 là 17 triệu USD, tăng bình quân 11,2%/năm.

- Tăng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn nhằm nâng tỷ trọng, đảm bảo các nhiệm vụ chi của tỉnh và từng bước giảm hỗ trợ ngân sách từ Trung ương; phấn đấu đến năm 2015 thu ngân sách trên địa bàn trên 500 tỷ đồng và năm 2020 trên 1.000 tỷ đồng.

- Tổng vốn đầu tư xã hội giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 53 nghìn tỷ đồng, giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 90 nghìn tỷ đồng.

- GDP bình quân đầu người khoảng 19 triệu đồng năm 2015 và khoảng 46,7 triệu đồng năm 2020.

b) Về phát triển xã hội:

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân 2,28%/năm thời kỳ 2011 - 2015, thời kỳ 2016 - 2020 khoảng 2,2%/năm.

- Tỷ lệ dân số đô thị tăng từ 14,6% năm 2010 lên 19,1% năm 2015 và khoảng 21,2% vào năm 2020.

- Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo phấn đấu đến năm 2015, tỷ lệ lao động qua đào tạo, tập huấn trên 40%; đến năm 2020 trên 50%. Giai đoạn 2011 - 2015 tạo việc làm mới bình quân 6 nghìn người/năm; giai đoạn 2016 - 2020 trên 7 nghìn người/năm.

- Đến năm 2015, phấn đấu đạt các chỉ tiêu: 8 bác sỹ, 37 giường bệnh/1 vạn dân, 75,5% số trạm y tế xã đạt chuẩn y tế quốc gia. Đến năm 2020 các chỉ tiêu này là: 15 bác sỹ, 38 giường bệnh/1 vạn dân, 100% số xã đạt chuẩn y tế quốc gia; năm 2015 giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng xuống dưới 23%, năm 2020 xuống dưới 20%.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2011 - 2015 bình quân 4 - 5%/năm.

c) Về bảo vệ môi trường:

- Đến năm 2015, tỷ lệ che phủ của rừng trên 50%; đến năm 2020, tỷ lệ này trên 58%; đến năm 2015 trên 95% dân số đô thị được sử dụng nước sạch, 90% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; đến năm 2020, các chỉ tiêu này đều đạt 100%.

- Bảo tồn và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học, nhất là khu vực rừng nguyên sinh, rừng đầu nguồn đảm bảo điều tiết nguồn nước bảo vệ các công trình thủy điện lớn, phòng chống lũ lụt cho khu vực và các tỉnh lân cận.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Về lĩnh vực kinh tế

a) Về nông, lâm nghiệp và thủy sản:

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng lĩnh vực chăn nuôi, phát huy tối đa lợi thế về thời tiết khí hậu, thổ nhưỡng để tập trung phát triển các vùng sản xuất hàng hóa gắn với công nghiệp chế biến.

- Trồng trọt: Phấn đấu đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn và từng bước xây dựng vùng sản xuất lương thực hàng hóa. Đến năm 2015 tổng sản lượng lương thực đạt 170 nghìn tấn; năm 2020 giữ vững bình quân lương thực đầu người đạt trên 400 kg/năm. Tập trung phát triển vùng chuyên canh sản xuất quy mô lớn đối với các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao như cao su, chè, rau quả, hoa, cây cảnh,... Đảm bảo chủ động cung ứng 100% nhu cầu về các loại giống tốt trên địa bàn. Cây công nghiệp dài ngày: Cây cao su đến năm 2015 đạt 20.000 ha, đến năm 2020 đạt 30.000 ha; cây chè đến năm 2015 đạt 3.200 ha và ổn định đến năm 2020; cây thảo quả đến năm 2015 đạt 4.700 ha và ổn định đến năm 2020. Phát triển cây công nghiệp ngắn ngày và một số cây lợi thế như hoa quả ôn đới, dược liệu ở một số vùng có điều kiện thích hợp như vùng cao Sìn Hồ.

- Chăn nuôi: Phát triển chăn nuôi theo hình thức trang trại, nuôi bán công nghiệp tập trung gắn với phát triển chế biến dự trữ thức ăn, trồng cỏ đảm bảo an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường đáp ứng nhu cầu thị trường. Giai đoạn 2011 - 2015, tốc độ tăng đàn gia súc 6,5%/năm, đàn gia cầm 5 - 7%/năm, đến năm 2020 hình thành một số vùng chăn nuôi hàng hóa tập trung góp phần tích cực vào chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp.

- Thủy sản: Phát triển thủy sản theo hướng tổ chức khai thác tốt diện tích mặt nước hiện có, khai thác có hiệu quả nguồn lợi trên diện tích các hồ thủy điện (khi hồ các công trình thủy điện Sơn La, Bản Chát, Huổi Quảng, Lai Châu hình thành) như bảo vệ nguồn lợi thủy sản, nuôi cá lồng bè,... phát triển nuôi cá nước lạnh (cá hồi, cá tầm…) tại khu vực có đủ điều kiện. Đến năm 2015 dự kiến diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản khoảng 1.300 ha, sản lượng nuôi trồng 2.600 tấn; đến năm 2020 hình thành các vùng nuôi cá thương phẩm, cá nước lạnh (cá hồi, cá tầm).

- Lâm nghiệp: Quản lý sử dụng hiệu quả vốn rừng hiện có, thực hiện xã hội hóa công tác bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng, nâng cao chất lượng rừng, từng bước hình thành nghề rừng và phát triển ngành kinh tế rừng. Khuyến khích mọi

thành phần kinh tế đầu tư phát triển rừng đặc biệt là rừng kinh tế gắn với xây dựng các nhà máy chế biến. Diện tích trồng rừng mới giai đoạn 2011 - 2015 là 20 nghìn ha (rừng kinh tế 15 nghìn ha, rừng phòng hộ 5 nghìn ha); giai đoạn 2015 - 2020 là 20 nghìn ha (rừng kinh tế 17.500 ha, rừng phòng hộ 2.500 ha).

- Đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất giống cây, con để chủ động giống, chất lượng cao cung cấp cho nhu cầu trong tỉnh. Tiếp tục trồng mới và bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn.

b) Về công nghiệp:

Tập trung đầu tư phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế như: chế biến nông, lâm sản; khai thác và chế biến khoáng sản; thủy điện; xi măng, chế biến thức ăn gia súc, vật liệu xây dựng trở thành các ngành công nghiệp chủ lực.

- Công nghiệp chế biến nông, lâm sản:

Đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ các cơ sở chế biến nông, lâm sản, đặc biệt là chè, thảo quả, dược liệu,... gắn liền với phát triển vùng nguyên liệu nhằm giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho khu vực nông thôn. Giảm dần công nghiệp sơ chế, đầu tư công nghiệp chế biến sâu tạo ra sản phẩm hàng hóa có giá trị kinh tế cao nhằm tăng nhanh giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp và tăng nhanh giá trị sản xuất hàng xuất khẩu của địa phương.

- Công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản: Tập trung phát triển công nghiệp khai thác khoáng sản chế biến sâu, thực hiện đấu thầu khai thác khoáng sản ở những nơi có điều kiện. Xây dựng cơ sở dữ liệu cho từng loại khoáng sản phục vụ công tác quản lý cũng như cung cấp thông tin cho các doanh nghiệp tham gia tìm hiểu cơ hội đầu tư vào thăm dò khai thác, chế biến khoáng sản.

- Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng: Khuyến khích đầu tư các dự án sản xuất vật liệu xây dựng như: Sản xuất gạch không nung (Sìn Hồ, Phong Thổ, Than Uyên, Mường Tè, Tam Đường), công suất 40 triệu viên/năm; bê tông đúc sẵn, sản phẩm tấm lợp. Duy trì và đổi mới công nghệ sản xuất gạch tuy nen (Phong Thổ, Than Uyên, Tam Đường), công suất 45 triệu viên/năm. Đẩy mạnh sản xuất, khai thác cát, sỏi, đá xây dựng... đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng ngày một tăng cho các công trình thủy điện, công trình công cộng và dân dụng.

- Công nghiệp tiêu dùng và thủ công nghiệp truyền thống: Khôi phục và chấn hưng các làng nghề truyền thống, bảo tồn và phát triển nghề thủ công nghiệp và nghề truyền thống (mây tre đan, dệt thổ cẩm, lương thực thực phẩm...) theo hướng phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng tại chỗ, du lịch và tiến tới xuất khẩu.

- Công nghiệp sản xuất điện: Đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình thủy điện vừa và nhỏ. Đầu tư xây dựng hệ thống lưới điện cao thế, trung thế để phục vụ đấu nối và truyền tải các công trình thủy điện trên địa bàn tỉnh.

- Công nghiệp khác: Đầu tư xây dựng một số xưởng cơ khí quy mô tương đối với trang thiết bị tiên tiến để đáp ứng được một số công việc như đại tu, bảo dưỡng máy móc, thiết bị công nghệ, phục vụ nhu cầu của các nhà máy công nghiệp trên địa bàn như chế biến gỗ, đá ốp lát,... Phát triển các xưởng cơ khí quy mô nhỏ, kết hợp với các xưởng rèn, xưởng cơ khí để phục vụ sửa chữa, chế tạo các nông cụ phục vụ nông nghiệp và dân dụng.

- Quy hoạch các khu, cụm công nghiệp: Dự kiến quy hoạch đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh có 2 khu, 4 cụm công nghiệp. Tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp đã được phê duyệt, gắn với xây dựng công trình xử lý chất thải, trồng cây xanh, bảo đảm môi trường xanh, sạch đẹp.

c) Về thương mại du lịch:

- Về thương mại: Phát triển đồng bộ hệ thống các trung tâm thương mại, siêu thị ở thị xã, thị trấn, thị tứ; hệ thống chợ tại các trung tâm cụm xã, các xã, bản, trước mắt ưu tiên xây dựng một số chợ khu vực biên giới, các chợ đầu mối. Đảm bảo cung ứng các mặt hàng thiết yếu cho đồng bào vùng cao và bình ổn giá cả thị trường.

- Về du lịch: Phát triển các loại hình du lịch nghỉ dưỡng, du lịch tắm nước nóng, chữa bệnh ở khu vực Sìn Hồ và Phong Thổ thông qua việc đầu tư xây dựng khu du lịch sinh thái kết hợp với nghỉ dưỡng vùng cao huyện Sìn Hồ.

Phát triển du lịch văn hóa, tham quan, lễ hội, tìm hiểu nền văn hóa các dân tộc ít người ở Tây Bắc chủ yếu ở khu vực thị xã Lai Châu, huyện Tam Đường; xây dựng một số bản văn hóa điển hình ở khu vực thị xã Lai Châu và đầu tư xây dựng một số điểm vui chơi lớn, trước mắt là ở thị xã Lai Châu.

Phát triển du lịch thương mại, hội chợ ở khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng thông qua việc đầu tư xây dựng khu hội nghị, hội chợ quốc tế ở Lai Châu và cửa khẩu Ma Lù Thàng.

Phát triển du lịch sinh thái, thăm quan hang động gắn với lễ hội (động Tiên Sơn - Tam Đường; Thiên Sơn - thị xã Lai Châu,...) đầu tư khu du lịch sinh thái hang động ở Tiên Sơn, khu du lịch dịch vụ ở thị xã Lai Châu.

Du lịch thể thao mạo hiểm ở rừng nguyên sinh Mường Tè, đỉnh đèo Hoàng Liên Sơn, huyện Tam Đường.

Đầu tư tôn tạo, xây dựng quần thể du lịch bia Lê Lợi, di tích Đèo Văn Long gắn với du lịch sinh thái vùng lòng hồ thủy điện Sơn La, thủy điện Lai Châu và bản sắc văn hóa các dân tộc.

- Về dịch vụ vận tải: Phát triển mạnh dịch vụ vận tải, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các loại hình vận tải đường bộ, xây dựng các bến xe tại trung tâm thị xã, thị trấn, thị tứ; mở rộng các tuyến vận tải trong nội tỉnh và các tuyến liên tỉnh,

hướng tới các tuyến vận tải liên vận quốc tế khi có điều kiện. Khai thác các tuyến vận tải đường thủy khi các hồ thủy điện hình thành.

Đầu tư xây dựng các trung tâm trung chuyển hàng hóa và kho vận tại các địa điểm: xã Sơn Bình (Tam Đường), xã Phúc Than (Than Uyên), cụm công nghiệp Tân Uyên (Tân Uyên) và tổng kho ở thị trấn Phong Thổ, Tam Đường.

2. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội

a) Về dân số và lao động:

- Thực hiện tốt chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tốc độ tăng trưởng dân số bình quân giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 2,93%, giai đoạn 2016 - 2020 dự tính mức 2,84%. Dự kiến quy mô dân số tỉnh Lai Châu đến năm 2015 khoảng 441 nghìn người và năm 2020 khoảng 508 nghìn người.

- Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu và nhu cầu phát triển của xã hội. Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tăng tỷ trọng lao động công nghiệp - xây dựng, giảm lao động nông nghiệp.

b) Giáo dục, đào tạo:

- Củng cố và giữ vững kết quả phổ cập giáo dục tiểu học - xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở; đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi vào năm 2015. Đến năm 2015, tỷ lệ trẻ em đi học trong độ tuổi mẫu giáo đạt 92%; tỷ lệ học sinh tiểu học đi học đúng độ tuổi đạt 98%; tỷ lệ học sinh trung học cơ sở đi học đúng độ tuổi đạt 85%. Đến năm 2020, các tỷ lệ này phấn đấu đạt 95%, 99,5% và 92%.

- Định hướng mở rộng quy mô các trường dân tộc nội trú, củng cố và phát triển các loại hình trường, lớp nội trú dân nuôi, các trung tâm học tập cộng đồng. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình kiên cố hóa trường lớp học, mở rộng và xây dựng mới các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông đáp ứng yêu cầu duy trì phổ cập trung học cơ sở. Phấn đấu đến năm 2015 có trên 82,5% phòng học được xây dựng kiên cố và bán kiên cố; đến năm 2020, 100% phòng học được xây dựng kiên cố.

Tăng cường trang thiết bị cho việc dạy và học theo chương trình đổi mới giáo dục phổ thông. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị cho hệ thống trường học các cấp yêu cầu trường đạt chuẩn quốc gia. Đến năm 2015, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia ở các cấp học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông lần lượt là 17,1%, 26,57%, 14,5%, 5%; đến năm 2020, các mục tiêu này lần lượt là: 27,2%, 37,2%, 25,7%, 44%.

- Tập trung đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất cho trường Cao đẳng cộng đồng tỉnh đủ điều kiện đến 2015 nâng cấp lên trường Đại học; tiếp tục đầu tư hoàn thiện Trường Chính trị tỉnh có quy mô 500 học viên; đầu tư bổ sung nhà xưởng, nhà đa

chức năng và trang thiết bị cho Trường Trung cấp nghề tỉnh đủ điều kiện nâng lên Trường Cao đẳng nghề năm 2015. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, trang thiết bị dạy nghề phù hợp và đạt tiêu chuẩn các trung tâm dạy nghề các huyện. Xây dựng mới Trường Trung cấp y tế Lai Châu vào giai đoạn 2015 - 2017.

c) Y tế, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng:

- Đảm bảo mọi người dân đều được tiếp cận các dịch vụ y tế cơ bản; quan tâm chăm lo sức khỏe cho các đối tượng chính sách xã hội, người nghèo, người cao tuổi, phụ nữ, người tàn tật và trẻ em.

- Khống chế tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng dân cư. Đến năm 2015, tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 1 tuổi giảm xuống 28‰; Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vac xin đạt 93%. Đến năm 2020, các tỷ lệ này lần lượt đạt 24‰ và 93,5%.

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời và đảm bảo chất lượng về thuốc, vật tư, trang thiết bị cho các cơ sở y tế. Củng cố, kiện toàn hệ thống y tế phấn đấu hết năm 2020 các xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ y tế về chuyên môn, y đức.

- Định hướng, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các y tế cơ sở theo quy định chuẩn quốc gia; thực hiện giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ; khuyến khích các đơn vị y tế công lập mở rộng hoạt động dịch vụ và tăng cường liên doanh, liên kết.

- Đầu tư xây dựng các bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh, huyện (bệnh viện sản - nhi; bệnh viện y học cổ truyền, bệnh viện tâm thần, bệnh viện điều dưỡng, bệnh viện đa khoa các huyện); xây dựng mới, nâng cấp các phòng khám đa khoa khu vực, các trạm y tế xã theo hướng đạt chuẩn quốc gia.

d) Văn hóa, thể dục - thể thao:

- Văn hóa: Xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa thôn, bản phù hợp với truyền thống văn hóa của từng dân tộc. Đến năm 2015, phấn đấu tỷ lệ gia đình văn hóa; bản, khu phố văn hóa và cơ quan văn hóa lần lượt đạt 80%, 60% và 92%. Đến năm 2020, các mục tiêu này phấn đấu đạt 90%, 85% và 95%.

- Thể dục - Thể thao: Phát triển rộng khắp các hoạt động thể dục thể thao quần chúng, chú ý đến các môn thể thao dân tộc truyền thống. Đến năm 2020 phấn đấu tỷ lệ người tập luyện thể thao thường xuyên đạt 20%, có trên 300 câu lạc bộ TD-TT cơ sở. Từng bước, xây dựng và phát huy các môn thể thao có thành tích cao, phấn đấu có huy chương trong các kỳ Đại hội thể thao các dân tộc trong khu vực và cả nước.

Định hướng xây dựng các cơ sở luyện tập và thi đấu thể thao tại tỉnh lỵ và các thị trấn huyện lỵ; các xã, phường đều có quỹ đất, địa điểm làm nơi hoạt động thể

dục, thể thao. Đến năm 2015 tại khu vực thị trấn huyện lỵ các huyện có 1 cung văn hóa thanh thiếu niên; tại trung tâm của tỉnh lỵ có 1 thư viện trung tâm, 1 nhà văn hóa và 1 nhà bảo tàng và trung tâm thể thao, sân vận động đạt chuẩn.

đ) Phát thanh, truyền hình, tuyên truyền báo chí:

- Tiếp tục nâng cao thời lượng tiếp sóng, phát sóng đài truyền hình và đài tiếng nói Việt Nam; tăng thời lượng phát thanh, truyền hình và báo chí của địa phương, thời lượng bằng tiếng dân tộc thiểu số.

- Đầu tư, nâng cấp đài phát thanh truyền hình tỉnh và các huyện; tiếp tục đầu tư, cấp máy phát hình và trạm truyền thanh không dây cho các trạm trung tâm xã, cụm xã.

3. Phát triển kết cấu hạ tầng

a) Giao thông:

- Đối với các công trình giao thông thuộc Trung ương quản lý nằm trên địa bàn tỉnh: Tỉnh phối hợp với Bộ Giao thông vận tải từng bước triển khai thực hiện theo quy hoạch xây dựng, đầu tư mới, cải tạo, nâng cấp hệ thống đường bộ sau:

+ Đường nối cao tốc Hà Nội - Lào Cai - Thị xã Lai Châu đến cửa khẩu Ma Lù Thàng; nâng cấp QL32, QL279, QL4D, QL12.

+ Đầu tư xây dựng sân bay Lai Châu tại huyện Tân Uyên.

+ Nghiên cứu xây dựng tuyến đường sắt từ Văn Bàn - Than Uyên - Thị xã Lai Châu để cải thiện điều kiện giao thông giữa địa phương và Trung ương.

- Các công trình do địa phương quản lý: Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống đường bộ, đường thủy, một số cầu và cảng chủ yếu sau:

+ Hệ thống đường ngang và cầu qua Sông Đà phía tây huyện Mường Tè. Chú trọng xây dựng sớm hệ thống đường vành đai biên giới và đường tuần tra biên giới. Xây dựng mới các tuyến đường liên thông, nâng cấp các tuyến tỉnh lộ, huyện lộ đạt cấp IV và V kết nối với hệ thống đường Quốc lộ. Cải tạo và nâng cấp các tuyến đường giao thông nông thôn đến trung tâm các xã (cứng hóa mặt đường, hệ thống thoát nước và hệ thống an ninh đầy đủ) đảm bảo đi lại được các mùa trong năm.

+ Phát triển hệ thống giao thông đường thủy (sau khi hồ thủy điện Sơn La và Lai Châu hình thành), thực hiện khảo sát, xây dựng một số cảng đường thủy trên Sông Đà xây mới 06 bến cảng (cảng Pắc Ma, Nậm Hàng, Pô Lếch, Nậm Khao thuộc huyện Mường Tè; cảng Chăn Nưa, Pa Há thuộc huyện Sìn Hồ) với quy mô 0,1 - 0,2 ha/cảng; nâng cấp các bến cảng đường thủy hiện có.

b) Thủy lợi, cấp nước sinh hoạt:

- Tập trung nguồn lực, đầu tư nâng cấp, cải tạo kiên cố hóa kênh mương, phấn đấu đến năm 2015 có 90% kênh mương được kiên cố, đảm bảo tưới tiêu chủ động

cho 75% diện tích vụ Đông xuân, 85% diện tích vụ Mùa; đến năm 2020 có 100% kênh mương được kiên cố, đảm bảo tưới tiêu chủ động trên 90% diện tích vụ Đông xuân, 100% diện tích vụ Mùa.

- Đầu tư, nâng cấp và xây dựng mới các hệ thống cấp nước sạch cho thị xã, thị trấn. Tiếp tục đầu tư các công trình nước sạch cho các vùng nông thôn, ưu tiên đầu tư cho các vùng khó khăn về nước sinh hoạt. Phấn đấu đến năm 2015 có 95% dân số đô thị và 90% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch và nước hợp vệ sinh; đến năm 2020 các mục tiêu này phấn đấu đạt 100%.

c) Phát triển mạng lưới điện:

- Xây dựng mạng lưới điện cao thế đấu nối các thủy điện với mạng lưới điện quốc gia và các phụ tải trên địa bàn: Đường 500KV mạch kép: Nậm Hàng (thủy điện Lai Châu) - Mường La (Thủy điện Sơn La); đường dây 110 KV: Thị xã Lai Châu - Phong Thổ - Sìn Hồ - Nậm Hàng; đường dây 110KV mạch 2 Bình Lư - Than Uyên - Thủy điện Bản Chát; đường dây 110kV mạch 2 rẽ Xéo Chung Hồ - Lào Cai.

- Xây dựng, nâng cấp mạng lưới trung thế và hạ thế đến các xã, bản đặc biệt là những địa bàn chưa có lưới điện quốc gia. Đầu tư đầy đủ đường dây hạ thế, trạm biến áp và công tơ tới các vùng phụ tải.

4. Phương hướng tổ chức không gian

a) Phương hướng phát triển hệ thống đô thị, bố trí lại dân cư, xây dựng nông thôn mới:

- Phương hướng phát triển hệ thống đô thị:

+ Phát triển thị xã Lai Châu đạt tiêu chuẩn đô thị loại III vào năm 2013 và điều chỉnh địa giới hành chính cho phù hợp.

+ Phát triển thị trấn Phong Thổ (mở rộng thêm diện tích về phía Huổi Luông), thị trấn Than Uyên (mở rộng thêm diện tích về phía Hua Nà) trở thành đô thị loại IV với quy mô xây dựng 250 - 300 ha.

+ Hình thành, phát triển mới 4 đô thị loại V gồm: Thị tứ Ma Lù Thàng, Mường So, Nậm Củm; thị trấn Nậm Tăm, Nậm Nhùn.

- Phương hướng bố trí lại dân cư, xây dựng nông thôn mới:

+ Quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung.

+ Sắp xếp, bố trí các điểm dân cư đảm bảo người dân được hưởng cơ sở hạ tầng của khu dân cư cũng như mở rộng được quy mô vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa.

+ Ưu tiên dành quỹ đất bố trí tái định cư nhằm đẩy nhanh tiến độ di dân tái định cư các công trình thủy điện Huổi Quảng, Bản Chát, thủy điện Lai Châu; gắn công tác tái định cư với bố trí, sắp xếp lại dân cư và xây dựng nông thôn mới.

b) Phương hướng tổ chức phát triển trung tâm kinh tế, trục, tuyến động lực phát triển kinh tế:

- Vùng kinh tế động lực quốc lộ 32 và 4D (bao gồm thị xã Lai Châu, huyện Phong Thổ, Tam Đường, Than Uyên, Tân Uyên): Tập trung phát triển thương mại, dịch vụ, kinh tế cửa khẩu, cây công nghiệp, trồng rừng, công nghiệp chế biến nông - lâm sản, các mặt hàng chủ lực là chè, lúa gạo, thảo quả, thịt trâu, bò, đất hiếm, gỗ công nghiệp, mủ cao su, vật liệu xây dựng, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng.

- Vùng kinh tế lâm - nông nghiệp sinh thái Sông Đà (bao gồm huyện Mường Tè và các xã vùng thấp huyện Sìn Hồ): Hướng phát triển chính là khoanh nuôi bảo vệ diện tích rừng tự nhiên hiện có, rừng phòng hộ, kết hợp trồng cây cao su với xây dựng các cơ sở chế biến. Khai thác lợi thế giao thông đường thủy, các trục đường giao thông quốc lộ 12, tỉnh lộ 127 phát triển dịch vụ vận tải, du lịch. Sử dụng có hiệu quả diện tích mặt nước của các hồ thủy điện, phát triển nuôi trồng thủy sản. Sản phẩm chủ yếu: Điện, mủ cao su, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng.

- Vùng kinh tế du lịch sinh thái, văn hóa dân tộc và nông nghiệp chất lượng cao (cao nguyên Sìn Hồ): Phát triển vùng thành khu du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, nghỉ dưỡng, phát triển cây dược liệu, hoa, cây ăn quả ôn đới.

c) Phương hướng tổ chức không gian phát triển du lịch:

- Phát triển khu du lịch vui chơi giải trí tổng hợp ở thị xã Lai Châu kết hợp với du lịch văn hóa Bản Hon.

- Phát triển khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng cao nguyên Sìn Hồ.

- Phát triển du lịch sinh thái lòng hồ của thủy điện Bản Chát gắn với du lịch văn hóa các dân tộc huyện Than Uyên.

- Phát triển khu du lịch nghỉ dưỡng suối nước nóng Vàng Pó gắn với điểm du lịch Mường So và khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng.

- Phát triển du lịch đèo Hoàng Liên gắn với du lịch sinh thái hang động Tiên Sơn, bản sắc văn hóa du lịch Hồ Thầu, bản văn hóa du lịch bản Hon và bản văn hóa du lịch Nà Tăm.

- Phát triển khu du lịch sinh thái Tà Tổng kết hợp sinh thái hồ Nậm Hằng và điểm tham quan di tích lịch sử Lê Lợi, du lịch Sông Đà.

d) Điều chỉnh địa giới hành chính:

- Thành lập huyện Nậm Nhùn trên cơ sở diện tích, dân số của một số xã thuộc huyện Mường Tè và một số xã thuộc huyện Sìn Hồ.

- Thành lập huyện Nậm Tăm trên cơ sở điều chỉnh diện tích, dân số của các xã vùng thấp thuộc huyện Sìn Hồ.

IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về huy động vốn đầu tư phát triển

Nhu cầu vốn đầu tư phát triển trên địa bàn cả giai đoạn 143 nghìn tỷ đồng (giá năm 2010), trong đó giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 53 nghìn tỷ đồng là rất lớn so với nguồn lực, khả năng cân đối của tỉnh và sự hỗ trợ của Trung ương. Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách hàng năm, các nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu của Trung ương, nguồn vốn phục vụ cho công tác di dân tái định cư các dự án thủy điện. Tỉnh cần có phương án để huy động vốn cho từng thời kỳ, sắp xếp lựa chọn các dự án ưu tiên và có những cơ chế cụ thể, hợp lý nhằm thu hút vốn đầu tư, đảm bảo thực hiện được các mục tiêu đã đề ra.

Cải thiện môi trường đầu tư thông thoáng, thuận lợi để thu hút vốn bên ngoài, tranh thủ khai thác tối đa nguồn vốn đầu tư tập trung của tỉnh theo các dự án phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển nông thôn.

2. Phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực; chú trọng đào tạo, dạy nghề cho người lao động.

- Có chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút cán bộ, các chuyên gia giỏi, công nhân lành nghề, các nghệ nhân về tỉnh xây dựng và phát triển kinh tế.

- Mở rộng hợp tác với các cơ sở đào tạo có uy tín trong và ngoài tỉnh để đào tạo lao động kỹ thuật lành nghề. Khuyến khích các doanh nghiệp góp vốn và trang bị phương tiện để nâng cao chất lượng đào tạo hoặc liên kết đào tạo tại doanh nghiệp.

- Xây dựng và mở rộng thêm các trường, cơ sở đào tạo đáp ứng nhu cầu mở rộng các ngành nghề mới.

3. Phát triển khoa học - công nghệ và bảo vệ môi trường

- Khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn đầu tư cải tiến công nghệ sản xuất, đồng bộ hóa công nghệ.

- Đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, tạo ra bước đột phá về năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa; giải quyết căn bản được các vấn đề về giống cây trồng vật nuôi có năng suất, chất lượng cao.

- Kết hợp chặt chẽ giữa đổi mới công nghệ và bảo vệ môi trường. Có quy hoạch chung về hệ thống xử lý rác thải công nghiệp và rác sinh hoạt.

- Khai thác tài nguyên phải gắn với bảo vệ, giữ gìn môi trường sinh thái; chú trọng bảo vệ và phát triển vốn rừng. Tăng cường các ứng dụng khoa học công nghệ nhằm phòng chống sói mòn, cải tạo và bảo vệ tài nguyên đất.

- Nghiên cứu, đề xuất và thực hiện các chương trình phòng ngừa, ứng phó với lũ quét, sạt lở đất đá và các hiện tượng tai biến tự nhiên khác để giảm thiểu những tác động bất lợi đến môi trường tự nhiên và đời sống cộng đồng.

- Tăng cường công tác kiểm soát các vấn đề môi trường xuyên biên giới, hệ thống quan trắc, giám sát môi trường các hồ thủy điện và các vấn đề môi trường ở các địa bàn có hoạt động khai thác khoáng sản.

4. Tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý Nhà nước

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước: Nâng cao hiệu quả công tác giáo dục lý luận chính trị; đổi mới nội dung và phương thức tuyên truyền theo hướng dân chủ hoá, sát cơ sở, tạo sự nhất trí và đồng thuận cao trong xã hội; đổi mới công tác quy hoạch, sử dụng và quản lý cán bộ, chú trọng trong khâu đánh giá cán bộ, bổ sung, quy hoạch cán bộ; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức; đặc biệt chú trọng đào tạo cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ cấp cơ sở.

- Tăng cường cải cách hành chính: Tiếp tục thực hiện nghị quyết Trung ương, các Nghị quyết của Chính phủ về cải cách hành chính; thực hiện mô hình "một cửa" trong cơ quan hành chính các cấp và các sở ngành chức năng; phân cấp, phân quyền cho các cấp, cơ sở, tăng cường công tác kiểm tra, phát huy dân chủ cơ sở; nâng cao hiệu quả, hiệu lực của hệ thống chính trị các cấp.

- Tăng cường chỉ đạo và điều hành thực hiện quy hoạch, kế hoạch: Phối hợp trong chỉ đạo, điều hành thực hiện quy hoạch, kế hoạch; phối hợp trong xây dựng, cung cấp thông tin phục vụ công tác dự báo, đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế; phối hợp trong đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế; phối hợp trong xúc tiến đầu tư và thu hút đầu tư phát triển; phối hợp trong ban hành, tổ chức thực hiện và quản lý các cơ chế, chính sách ưu đãi thu hút đầu tư; tiếp tục công cuộc cải cách hành chính nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan Nhà nước.

5. Tập trung chỉ đạo nhiệm vụ xóa đói, giảm nghèo

- Tiếp tục thực hiện các chính sách, biện pháp trợ giúp phát triển kinh tế và tiếp cận các dịch vụ xã hội cho người nghèo; khuyến khích mô hình tín dụng - tiết kiệm nhằm đối phó với rủi ro, đảm bảo quá trình thoát nghèo một cách vững chắc.

- Phát triển mạng lưới dạy nghề cho người lao động, nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo và đào tạo nghề.

- Tiếp tục đẩy mạnh, thực hiện tốt các chính sách xã hội như chăm sóc người có công, bảo trợ xã hội, phòng chống tai tệ nạn xã hội…

6. Kết hợp phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng an ninh

Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Kết hợp kinh tế với quốc phòng - an ninh trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch. Khi xây dựng các công trình kinh tế - văn hóa - xã hội cần tính toán đến kế hoạch bảo vệ và duy trì hoạt động để chuyển hướng phục vụ cho quốc phòng khi có chiến tranh xảy ra. Chú trọng phát triển kinh tế kết hợp với phục vụ, đáp ứng kịp thời tăng tiềm lực quốc phòng trên các lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng, bưu chính viễn thông, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, lĩnh vực nông, lâm nghiệp.

V. CÁC CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM VÀ DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

1. Các chương trình trọng điểm

(1) Chương trình phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; (2) Chương trình phát triển cao su; (3) Chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; (4) Chương trình xây dựng nông thôn mới; (5) Dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội huyện Mường Tè.

2. Các dự án ưu tiên đầu tư: (Có Phụ lục kèm theo).

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT QUY HOẠCH

1. Sau khi rà soát, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lai Châu đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Tỉnh cần tổ chức công bố, phổ biến đến các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trong Tỉnh; đồng thời, tiến hành xây dựng chương trình hành động cụ thể để thực hiện Quy hoạch.

2. Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Quy hoạch bằng các kế hoạch 5 năm, hàng năm để thực hiện có hiệu quả. Hàng năm có đánh giá việc thực hiện Quy hoạch, trên cơ sở đó tiến hành rà soát, kiến nghị theo thẩm quyền việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng thời kỳ tiếp theo.

3. Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân có trách nhiệm kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện rà soát, điều chỉnh Quy hoạch.

Điều 2. Rà soát, điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu đến năm 2020 là cơ sở cho việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch chuyên ngành (quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch chuyên ngành khác), quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện, thị xã và các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu căn cứ vào rà soát, điều chỉnh Quy hoạch được phê duyệt, chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện theo quy định các nội dung sau:

1. Quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu; quy hoạch phát triển hệ thống đô thị và các điểm dân cư; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch chuyên ngành khác; quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội các huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh Lai Châu để đảm bảo sự phát triển tổng thể, đồng bộ.

2. Lập các kế hoạch 5 năm, hàng năm; các chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trọng điểm; các dự án cụ thể để triển khai thực hiện Quy hoạch.

3. Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của Tỉnh trong từng giai đoạn nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.

Điều 4. Các Bộ, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn và giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu trong quá trình thực hiện Quy hoạch.

2. Phối hợp với tỉnh Lai Châu trong quá trình rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch ngành, lĩnh vực để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của Quy hoạch; xem xét, hỗ trợ tỉnh trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài để thực hiện Quy hoạch; đẩy nhanh việc thực hiện đầu tư các công trình, dự án có quy mô tính chất vùng và quan trọng đối với sự phát triển của tỉnh đã được quyết định đầu tư.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành; bãi bỏ quyết định số 87/2006/QĐ-TTg ngày 20 tháng 4 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu thời kỳ 2006 - 2020.

Điều 6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2011 - 2020

(Kèm theo Quyết định số 240/QĐ-TTg ngày 28/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục
A	**CÁC DỰ ÁN DO TRUNG ƯƠNG ĐẦU TƯ**
1	Nâng cấp các tuyến đường Quốc lộ: 12, 32, 4D, 279, 100
2	Đường nối cao tốc Hà Nội - Lào Cai đến TX Lai Châu - Cửa khẩu Ma Lù Thàng
3	Sân bay Lai Châu
4	Nâng cấp Đường vành đai Pa Tần-Mường Tè-Pắc Ma-Mường Nhé
5	Đường liên tỉnh Phong Thổ - Bát Sát
6	Đường sắt Bảo Hà - Than Uyên - Thị xã Lai Châu
7	Đường dây và trạm biến áp 500KV
8	Đường dây và trạm biến áp 110KV
9	Đường dây và trạm biến áp 35KV
B	**CÁC DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**
I	**Giao thông**
1	Nâng cấp hệ thống đường tỉnh lộ: 127, 128, 129, 130, 132, 133
2	Đường giao thông liên vùng - đường tỉnh 107
3	03 cầu qua sông Đà và hệ thống đường ngang phía tây sông Đà
4	Đường thị xã Lai Châu - Nậm Tăm
5	Nâng cấp đường Nậm Tăm - Tả Ngảo
6	Đường thị trấn Sìn Hồ - Nậm Tăm
7	Nâng cấp đường giao thông đến trung tâm các xã
8	Hệ thống đường tuần tra biên giới
9	Hệ thống đường ra biên giới
10	Hệ thống đường liên thôn, liên bản
11	Hệ thống cảng các hồ thủy điện
II	**Thủy lợi, kè sông suối**
1	Hồ Hoàng Liên Sơn
2	Hồ Nậm Mạ Dao

STT	Danh mục
3	Hồ chứa nước khu 9 thị trấn Than Uyên
4	Hồ chứa nước bản Lằn
5	Hệ thống thủy lợi các huyện
6	Hệ thống kè sông suối bảo vệ các khu dân cư
7	Hệ thống kè phòng, chống xói lở sông suối biên giới Việt - Trung
III	**Hạ tầng nông, lâm, ngư**
1	Trung tâm giống nông lâm nghiệp
2	Trung tâm giống thủy sản
3	Trung tâm giống vật nuôi
IV	**Hạ tầng đô thị, môi trường**
1	Hạ tầng đô thị thị xã, thị trấn, thị tứ các huyện thị
2	Hạ tầng khu Kinh tế Cửa khẩu Ma Lù Thàng
3	Hạ tầng Cửa khẩu U Ma Tu Khoòng, Nậm Là
4	Nhà máy xử lý rác thải thị xã và thị trấn các huyện
5	Hệ thống xử lý nước thải thị xã và thị trấn các huyện
6	Trụ sở cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể cấp huyện, xã
7	Trung tâm lưu trữ tỉnh
8	Chợ thị xã và các huyện
9	Bến xe khách tỉnh và các huyện
10	Nghĩa trang các huyện
11	Nhà máy cấp nước thị xã và thị trấn các huyện
12	Lưới điện hạ thế các xã
V	**Y Tế**
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh và các huyện
2	Bệnh viện Lao và bệnh Phổi
3	Bệnh viện y học cổ truyền
4	Bệnh viện điều dưỡng
5	Bệnh viện tâm thần
6	Bệnh viện Sản nhi
7	Trung tâm y tế dự phòng tuyến huyện

STT	Danh mục
8	Các phòng khám đa khoa khu vực
9	Trạm y tế các xã
VI	**Giáo dục Đào tạo**
1	Trường Đại học (nâng cấp từ Trường Cao đẳng cộng đồng)
2	Trường cao đẳng cộng đồng
3	Trường trung cấp y tế
4	Trường Cao đẳng nghề (nâng cấp từ Trường Trung cấp nghề)
5	Trường trung cấp nghề
6	Trường chính trị tỉnh và các huyện
7	Trung tâm dạy nghề các huyện thị
8	Nhà ở sinh viên
9	Hệ thống các TT giáo dục thường xuyên
10	Hệ thống các trường PTDTNT các huyện thị
11	Hệ thống các trường THPT
12	Hệ thống các trường THCS
13	Hệ thống các trường Tiểu học
14	Hệ thống các trường Mầm non
15	Hệ thống nhà ở công vụ giáo viên
VII	**Phát thanh - truyền hình**
1	Nhà điều hành và Trung tâm sản xuất chương trình Đài PT-TH tỉnh
2	Đài Truyền thanh truyền hình các huyện
3	Các Trạm phát lại truyền hình khu vực
4	Trạm truyền thanh FM cho các xã
VIII	**Văn hóa - thể thao**
1	Cung văn hóa thanh thiếu niên các huyện
2	Nhà văn hóa thể thao các huyện
3	Nhà văn hóa, rạp chiếu phim
4	Nhà bảo tàng tỉnh
5	Thư viện tỉnh và các huyện
6	Sân vận động tỉnh và các huyện thị
7	Trung tâm thể thao tỉnh

STT	Danh mục
C	**CÁC DỰ ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH, KÊU GỌI ĐẦU TƯ**
I	**Hạ tầng thương mại, du lịch**
1	Trung tâm Thương mại tỉnh
2	Siêu thị ở Trung tâm tỉnh và các huyện
3	Hệ thống Khách sạn, Nhà hàng
4	Khu vui chơi giải trí tổng hợp thị xã Lai Châu
5	Khu du lịch sinh thái cao nguyên Sìn Hồ
6	Khu du lịch sinh thái Động Thiên Sơn
7	Khu du lịch suối nước nóng Vàng Bó
8	Khu du lịch đèo Hoàng Liên Sơn gắn với du lịch sinh thái hang động Tiên Sơn và các bản văn hóa du lịch Hồ Thầu, Bản Bo, Nà Tăm
9	Khu du lịch sinh thái Tà Tổng kết hợp sinh thái hồ Nậm Hằng và điểm tham quam du lịch di tích lịch sử Lê Lợi, du lịch lòng hồ Sông Đà, Pú Đao, Nậm Tăm
II	**Công nghiệp**
1	Thủy điện bản Chát
2	Thủy điện Lai Châu
3	Các dự án thủy điện nhỏ
4	Khai thác, chế biến đất hiếm
5	Khai thác, chế biến quặng các loại
6	Khai thác, chế biến vật liệu xây dựng
7	Khu công nghiệp Mường So
8	Cụm công nghiệp Lê Lợi - Nậm Hằng
9	Cụm công nghiệp thị xã Lai Châu
10	Khu công nghiệp Tam Đường
11	Cụm công nghiệp Than Uyên
12	Cụm công nghiệp Tân Uyên
13	Nhà máy chế biến gia súc, gia cầm, thủy sản
14	Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi
15	Nhà máy chế biến mủ cao su

STT	Danh mục
16	Nhà máy chế biến chè
17	Nhà máy chế biến gỗ
18	Nhà máy gạch Tuy nel
19	Nhà máy Xi măng
III	**Nông, lâm nghiệp**
1	Phát triển vùng chè Tam Đường, Tân Uyên và Thị xã Lai Châu
2	Dự án hoa, cây ăn quả và rau xanh
3	Dự án phát triển rừng, vùng nguyên liệu giấy trục QL 12, 4D, 32
4	Dự án bảo tồn thiên nhiên tây nam Hoàng Liên Sơn
5	Dự án phát triển bò thịt chất lượng cao
6	Dự án phát triển lợn hướng nạc
7	Dự án thâm canh cao sản cánh đồng Bình Lư, Than Uyên
8	Dự án phát triển vùng cao su
9	Dự án phát triển cá nước lạnh
10	Dự án khai thác mặt hồ các công trình thủy điện
D	**CÁC DỰ ÁN DI DÂN LÒNG HỒ THỦY ĐIỆN**
1	Di dân lòng hồ thủy điện Lai Châu
2	Di dân lòng hồ thủy điện Huội Quảng
3	Di dân lòng hồ thủy điện Bản Chát

Ghi chú: Về vị trí, quy mô, diện tích chiếm đất, tổng mức đầu tư và nguồn vốn của các dự án nêu trên, sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động các nguồn lực của từng giai đoạn.